TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Huỳnh Văn Vy.

- Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/02/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày như sau: Chị N và anh Lê T quen biết, tìm hiểu nhau, đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc ĐH vào ngày 23/02/2008. Sau khi kết hôn, được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T không tôn trọng chị N, nghi ngờ chị N có người khác. Chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Vào năm 2022, chị N đã nộp đơn xin ly hôn anh T nhưng sau khi Tòa án hòa giải, chị N rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không tìm được cách giải quyết, không về chung sống với nhau. Nay chị N không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có 03 người con chung là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 18/11/2011; Lê Thị Ngọc M2, sinh ngày 14/01/2010; Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 02/8/2017. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 03

con cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến 18 tuổi. Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/01 tháng/ 1 cháu, tức mỗi tháng 3.000.000đồng cho 3 con chung cho đến lúc các cháu trưởng thành. Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Lê T trình bày: Anh T và chị N quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Điền vào ngày 23/02/2008 như chị N trình bày. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị N đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng hòa giải nên chị N rút đơn. Tuy nhiên, sau khi hòa giải tại Tòa án thì vợ chồng vẫn không về sống với nhau do chị N không đồng ý. Tuy vợ chồng có lúc cãi nhau, trong lúc tức giận anh T có đánh vợ nhưng chỉ là nhất thời chứ không phải thường xuyên. Anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 03 người con chung như chị N trình bày. Anh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con cái.

Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án dưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2008, tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị N và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa 2 người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, chị N và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị N đã từng nộp đơn ly hôn và đã rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn,

Không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Do vậy, hôn nhân của chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Lê T.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị N, thấy rằng: Hiện nay 03 con chung đều đang do chị N chăm sóc và có nguyện vọng ở với chị N. Anh T không trình bày nguyện vọng nuôi con. Chị N có công việc ổn định có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi như yêu cầu của chị N là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích đầy đủ nhưng chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê T.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao 03 con chung của vợ chồng là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 18/11/2011; Lê Thị Ngọc M2, sinh ngày 14/01/2010; Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 02/8/2017 cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Anh Lê T không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị N đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004287, ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo